

Số: /TB - SGTVT

Hải Phòng, ngày tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO

Luồng đường thủy nội địa Sông Thái (thông báo định kỳ)

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Sở Giao thông vận tải thông báo luồng đường thủy nội địa (thông báo định kỳ) như sau:

- Tên luồng: Sông Thái.
- Chiều dài luồng: 10,2km (trong đó tuyến chính dài 8,829km, tuyến phụ dài 1,4km)
- Cấp kỹ thuật luồng:
 - Đoạn từ ngã ba sông Đá Bạch - Cầu Tràng Kênh: cấp III;
 - Đoạn từ Cầu Tràng Kênh - cuối tuyến: cấp IV.
- Tọa độ tim luồng và biên luồng: (Theo phụ lục gửi kèm)
- Tình hình luồng:

TT	Tên vật chương ngại và công trình ngang tuyến	Lý trình (km...)	Địa danh (xã, huyện, tỉnh)	Các đặc trưng luồng			
				Độ sâu			Chiều rộng đáy luồng (B)
				Nhỏ nhất (h _{min})	Lớn nhất (h _{max})	Thực đo (h)	
1	Đường dây điện 220Kv	Km0+760	Thành phố Thủy Nguyên	3.60	6.60	3.50	40m
2	Đường dây điện 220Kv	Km0+843	Thành phố Thủy Nguyên	3.90	6.90	4.00	40m
3	Cầu Tràng Kênh	Km1+985	Thành phố Thủy Nguyên	3.15	6.15	3.39	40m
4	Băng tải xi măng	Km2+075	Thành phố Thủy Nguyên	3.21	6.21	3.65	30m
5	Cầu ChinFon	Km4+936	Thành phố Thủy Nguyên	3.06	6.06	3.16	30m

6. Bãi cạn, đoạn cạn: Luồng không có bãi cạn, đoạn cạn. Luồng đảm bảo chuẩn tắc theo cấp kỹ thuật đã công bố.

Sở Giao thông vận tải trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Công an TP;
- Cảng vụ HHHP; Chi cục ĐTNĐ KVI;
- Cảng vụ ĐTNĐ KV1, Cảng vụ ĐTNĐ HP;
- GĐ, PGĐ N.M. Tuấn;
- Cổng Thông tin điện tử Sở GTVTHP;
- Lưu: VT, HTGT&ATGT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Tuấn

TỌA ĐỘ TIM LUỒNG VÀ BIÊN LUỒNG SÔNG THẢI
(Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$; múi chiếu 3°)

ĐOẠN TỪ NGÃ BA SÔNG ĐÁ BẠCH ĐẾN CẦU TRÀNG KÊNH

STT	Lý trình	Tim luồng				Biên Trái (20m)		Biên Phải (20m)		Ghi chú
		X (m)	Y (m)	Lat (WGS84)	Long (WGS84)	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)	
1	Km 00+000	2319019,114	605727,506	20°57'41.10"	106°46'06.91"	2318999,598	605723,133	2319038,63	605731,879	Ngã ba sông Đá Bạch
2	Km 00+100	2319040,979	605629,926	20°57'41.83"	106°46'03.54"	2319021,463	605625,553	2319060,495	605634,299	
3	Km 00+200	2319062,844	605532,345	20°57'42.56"	106°46'00.17"	2319043,328	605527,972	2319082,36	605536,718	
4	Km 00+300	2319084,709	605434,765	20°57'43.29"	106°45'56.79"	2319065,192	605430,392	2319104,225	605439,138	
5	Km 00+400	2319106,573	605337,184	20°57'44.03"	106°45'53.42"	2319087,057	605332,811	2319126,089	605341,557	
6	Km 00+500	2319126,163	605239,179	20°57'44.68"	106°45'50.03"	2319106,29	605236,928	2319146,036	605241,431	
7	Km 00+600	2319124,949	605139,447	20°57'44.66"	106°45'46.58"	2319105,137	605142,182	2319144,762	605136,712	
8	Km 00+700	2319102,480	605042,075	20°57'43.95"	106°45'43.21"	2319083,122	605047,104	2319121,837	605037,046	
9	Km 00+800	2319077,336	604945,288	20°57'43.16"	106°45'39.85"	2319057,979	604950,316	2319096,694	604940,259	
10	Km 00+900	2319052,193	604848,500	20°57'42.36"	106°45'36.49"	2319032,835	604853,529	2319071,55	604843,472	
11	Km 01+000	2319027,049	604751,713	20°57'41.56"	106°45'33.14"	2319007,692	604756,741	2319046,407	604746,684	
12	Km 01+100	2319001,906	604654,925	20°57'40.76"	106°45'29.78"	2318982,549	604659,954	2319021,264	604649,897	
13	Km 01+200	2318981,021	604557,237	20°57'40.10"	106°45'26.40"	2318961,165	604559,638	2319000,876	604554,836	
14	Km 01+300	2318978,987	604457,424	20°57'40.06"	106°45'22.94"	2318959,05	604455,833	2318998,923	604459,015	
15	Km 01+400	2318996,823	604359,197	20°57'40.66"	106°45'19.54"	2318977,6	604353,677	2319016,046	604364,717	
16	Km 01+500	2319029,746	604264,792	20°57'41.75"	106°45'16.28"	2319010,937	604257,993	2319048,555	604271,591	
17	Km 01+600	2319063,739	604170,747	20°57'42.87"	106°45'13.04"	2319044,93	604163,948	2319082,548	604177,546	

STT	Lý trình	Tim luồng				Biên Trái (20m)		Biên Phải (20m)		Ghi chú
		X (m)	Y (m)	Lat (WGS84)	Long (WGS84)	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)	
18	Km 01+700	2319097,733	604076,702	20°57'44.00"	106°45'09.79"	2319078,924	604069,903	2319116,542	604083,501	
19	Km 01+800	2319131,726	603982,657	20°57'45.12"	106°45'06.54"	2319112,917	603975,859	2319150,535	603989,456	
20	Km 01+900	2319165,719	603888,612	20°57'46.24"	106°45'03.29"	2319146,911	603881,814	2319184,528	603895,411	
21	Km 01+985	2319194,649	603808,576	20°57'47.20"	106°45'00.53"	2319175,84	603801,777	2319213,458	603815,374	Cầu Trảng Kênh

ĐOẠN TỪ CẦU TRẢNG KÊNH ĐẾN CUỐI TUYẾN (NHÁNH CHÍNH)

STT	Lý trình	Tim luồng				Biên Trái (15m)		Biên Phải (15m)		Ghi chú
		X (m)	Y (m)	Lat (WGS84)	Long (WGS84)	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)	
1	Km 01+985	2319194,649	603808,576	20°57'47.20"	106°45'00.53"	2319180,543	603803,477	2319208,756	603813,675	Cầu Trảng Kênh
2	Km 02+000	2319199,713	603794,567	20°57'47.37"	106°45'00.04"	2319185,606	603789,468	2319213,820	603799,666	
3	Km 02+100	2319232,055	603699,942	20°57'48.44"	106°44'56.78"	2319217,857	603695,103	2319246,253	603704,782	
4	Km 02+200	2319264,317	603605,290	20°57'49.51"	106°44'53.51"	2319250,119	603600,450	2319278,515	603610,129	
5	Km 02+300	2319296,579	603510,637	20°57'50.58"	106°44'50.24"	2319282,381	603505,798	2319310,777	603515,476	
6	Km 02+400	2319329,601	603416,255	20°57'51.67"	106°44'46.98"	2319315,609	603410,849	2319343,593	603421,660	
7	Km 02+500	2319368,824	603324,278	20°57'52.96"	106°44'43.80"	2319355,085	603318,260	2319382,564	603330,297	
8	Km 02+600	2319408,948	603232,681	20°57'54.29"	106°44'40.64"	2319395,208	603226,662	2319422,688	603238,699	
9	Km 02+700	2319448,205	603140,725	20°57'55.58"	106°44'37.46"	2319434,122	603135,559	2319462,287	603145,890	
10	Km 02+800	2319473,060	603044,035	20°57'56.41"	106°44'34.12"	2319458,232	603041,770	2319487,888	603046,300	
11	Km 02+900	2319478,806	602944,325	20°57'56.62"	106°44'30.67"	2319463,806	602944,318	2319493,806	602944,331	

STT	Lý trình	Tim luồng				Biên Trái (15m)		Biên Phải (15m)		Ghi chú
		X (m)	Y (m)	Lat (WGS84)	Long (WGS84)	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)	
12	Km 03+000	2319478,848	602844,325	20°57'56.64"	106°44'27.21"	2319463,848	602844,318	2319493,848	602844,331	
13	Km 03+100	2319478,891	602744,325	20°57'56.66"	106°44'23.75"	2319463,891	602744,318	2319493,891	602744,331	
14	Km 03+200	2319478,933	602644,325	20°57'56.68"	106°44'20.29"	2319463,933	602644,318	2319493,933	602644,331	
15	Km 03+300	2319479,726	602544,335	20°57'56.73"	106°44'16.83"	2319464,737	602543,747	2319494,714	602544,922	
16	Km 03+400	2319487,580	602444,660	20°57'57.00"	106°44'13.38"	2319472,629	602443,442	2319502,530	602445,878	
17	Km 03+500	2319489,041	602344,744	20°57'57.07"	106°44'09.92"	2319474,061	602345,525	2319504,021	602343,964	
18	Km 03+600	2319480,782	602245,092	20°57'56.82"	106°44'06.47"	2319465,815	602246,088	2319495,749	602244,096	
19	Km 03+700	2319479,146	602145,129	20°57'56.79"	106°44'03.01"	2319464,146	602145,122	2319494,146	602145,135	
20	Km 03+800	2319480,451	602045,150	20°57'56.85"	106°43'59.55"	2319465,470	602044,390	2319495,432	602045,910	
21	Km 03+900	2319490,469	601945,694	20°57'57.19"	106°43'56.11"	2319475,622	601943,556	2319505,316	601947,832	
22	Km 04+000	2319505,432	601846,830	20°57'57.70"	106°43'52.69"	2319490,721	601843,898	2319520,143	601849,762	
23	Km 04+100	2319534,622	601751,359	20°57'58.67"	106°43'49.39"	2319520,787	601745,563	2319548,457	601757,156	
24	Km 04+200	2319573,541	601659,244	20°57'59.95"	106°43'46.21"	2319559,723	601653,405	2319587,358	601665,082	
25	Km 04+300	2319622,120	601572,279	20°58'01.55"	106°43'43.21"	2319610,365	601562,962	2319633,876	601581,597	
26	Km 04+400	2319695,115	601504,365	20°58'03.94"	106°43'40.87"	2319685,814	601492,596	2319704,415	601516,133	
27	Km 04+500	2319775,215	601444,597	20°58'06.55"	106°43'38.82"	2319767,204	601431,915	2319783,226	601457,278	
28	Km 04+600	2319864,518	601399,970	20°58'09.47"	106°43'37.30"	2319859,186	601385,949	2319869,850	601413,990	
29	Km 04+700	2319960,331	601371,518	20°58'12.59"	106°43'36.33"	2319956,133	601357,117	2319964,529	601385,919	
30	Km 04+800	2320052,451	601333,141	20°58'15.59"	106°43'35.02"	2320045,183	601320,020	2320059,720	601346,263	
31	Km 04+900	2320133,848	601275,405	20°58'18.25"	106°43'33.04"	2320123,867	601264,209	2320143,830	601286,602	
32	Km 05+000	2320198,825	601199,740	20°58'20.37"	106°43'30.43"	2320186,806	601190,765	2320210,844	601208,715	

STT	Lý trình	Tim luồng				Biên Trái (15m)		Biên Phải (15m)		Ghi chú
		X (m)	Y (m)	Lat (WGS84)	Long (WGS84)	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)	
33	Km 05+100	2320258,660	601119,616	20°58'22.34"	106°43'27.67"	2320246,641	601110,641	2320270,678	601128,592	
34	Km 05+200	2320318,494	601039,493	20°58'24.30"	106°43'24.91"	2320306,475	601030,517	2320330,513	601048,468	
35	Km 05+300	2320378,329	600959,369	20°58'26.26"	106°43'22.15"	2320366,310	600950,394	2320390,347	600968,344	
36	Km 05+400	2320438,163	600879,245	20°58'28.22"	106°43'19.39"	2320426,145	600870,270	2320450,182	600888,220	
37	Km 05+500	2320498,230	600799,296	20°58'30.19"	106°43'16.63"	2320486,260	600790,257	2320510,201	600808,335	
38	Km 05+600	2320558,458	600719,467	20°58'32.16"	106°43'13.88"	2320546,396	600710,551	2320570,520	600728,384	
39	Km 05+700	2320612,375	600635,336	20°58'33.93"	106°43'10.98"	2320599,235	600628,102	2320625,516	600642,570	
40	Km 05+800	2320654,630	600544,783	20°58'35.32"	106°43'07.86"	2320640,644	600539,360	2320668,615	600550,206	
41	Km 05+900	2320686,067	600449,878	20°58'36.36"	106°43'04.58"	2320671,751	600445,400	2320700,383	600454,356	
42	Km 06+000	2320715,921	600354,438	20°58'37.35"	106°43'01.28"	2320701,605	600349,960	2320730,237	600358,916	
43	Km 06+100	2320745,774	600258,998	20°58'38.34"	106°42'57.98"	2320731,458	600254,520	2320760,090	600263,476	
44	Km 06+200	2320784,310	600167,288	20°58'39.61"	106°42'54.82"	2320772,023	600158,682	2320796,596	600175,893	
45	Km 06+300	2320852,389	600094,222	20°58'41.84"	106°42'52.30"	2320842,321	600083,104	2320862,457	600105,341	
46	Km 06+400	2320934,090	600037,012	20°58'44.51"	106°42'50.34"	2320927,085	600023,748	2320941,094	600050,276	
47	Km 06+500	2321023,332	599991,893	20°58'47.42"	106°42'48.79"	2321016,573	599978,502	2321030,091	600005,284	
48	Km 06+600	2321112,605	599946,834	20°58'50.33"	106°42'47.25"	2321105,846	599933,443	2321119,364	599960,225	
49	Km 06+700	2321196,440	599893,002	20°58'53.07"	106°42'45.41"	2321186,436	599881,825	2321206,443	599904,179	
50	Km 06+800	2321259,374	599815,741	20°58'55.13"	106°42'42.74"	2321246,885	599807,434	2321271,864	599824,048	
51	Km 06+900	2321307,091	599728,226	20°58'56.70"	106°42'39.72"	2321292,975	599723,153	2321321,207	599733,299	
52	Km 07+000	2321324,879	599630,272	20°58'57.30"	106°42'36.34"	2321309,891	599629,658	2321339,866	599630,886	
53	Km 07+100	2321325,139	599530,310	20°58'57.32"	106°42'32.88"	2321310,156	599531,010	2321340,123	599529,611	

STT	Lý trình	Tim luồng				Biên Trái (15m)		Biên Phải (15m)		Ghi chú
		X (m)	Y (m)	Lat (WGS84)	Long (WGS84)	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)	
54	Km 07+200	2321316,519	599430,699	20°58'57.06"	106°42'29.43"	2321301,596	599432,215	2321331,442	599429,183	Giao với tuyến nhánh sông Thái
55	Km 07+300	2321311,002	599330,978	20°58'56.90"	106°42'25.97"	2321296,021	599330,222	2321325,983	599331,734	
56	Km 07+400	2321328,407	599232,768	20°58'57.49"	106°42'22.58"	2321314,079	599228,330	2321342,735	599237,207	
57	Km 07+500	2321360,017	599137,896	20°58'58.53"	106°42'19.30"	2321345,791	599133,141	2321374,243	599142,652	
58	Km 07+600	2321386,523	599041,596	20°58'59.41"	106°42'15.97"	2321371,753	599038,976	2321401,292	599044,217	
59	Km 07+700	2321400,145	598942,534	20°58'59.88"	106°42'12.54"	2321385,275	598940,562	2321415,015	598944,507	
60	Km 07+800	2321416,807	598844,012	20°59'00.44"	106°42'09.14"	2321402,279	598840,281	2321431,336	598847,742	
61	Km 07+900	2321450,619	598750,034	20°59'01.56"	106°42'05.89"	2321436,818	598744,158	2321464,420	598755,909	
62	Km 08+000	2321489,800	598658,029	20°59'02.85"	106°42'02.71"	2321476,027	598652,087	2321503,573	598663,971	
63	Km 08+100	2321533,932	598568,341	20°59'04.30"	106°41'59.62"	2321520,821	598561,054	2321547,043	598575,628	
64	Km 08+200	2321586,704	598483,442	20°59'06.03"	106°41'56.69"	2321574,258	598475,069	2321599,149	598491,816	
65	Km 08+300	2321629,657	598393,797	20°59'07.45"	106°41'53.59"	2321615,127	598390,070	2321644,187	598397,523	
66	Km 08+400	2321635,290	598294,534	20°59'07.65"	106°41'50.16"	2321620,340	598295,762	2321650,240	598293,306	
67	Km 08+500	2321627,085	598194,871	20°59'07.40"	106°41'46.71"	2321612,152	598196,279	2321642,019	598193,462	
68	Km 08+600	2321598,911	598099,507	20°59'06.50"	106°41'43.40"	2321585,217	598105,628	2321612,605	598093,385	
69	Km 08+700	2321544,610	598017,692	20°59'04.75"	106°41'40.55"	2321536,472	598030,292	2321552,747	598005,091	
70	Km 08+800	2321461,953	597963,161	20°59'02.08"	106°41'38.65"	2321448,701	597970,188	2321475,205	597956,134	
71	Km 08+829	2321458,558	597934,410	20°59'01.97"	106°41'37.65"	2321444,032	597930,668	2321473,084	597938,152	

TUYẾN NHÁNH PHỤ

STT	Lý trình	Tim luồng				Biên Trái (50m)		Biên Phải (50m)		Ghi chú
		X (m)	Y (m)	Lat (WGS84)	Long (WGS84)	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)	
1	Km 07+200	2321316,674	599432,227	20°58'57.07"	106°42'29.48"	2321302,428	599436,923	2321330,921	599427,532	Giao với tuyến chính sông Thái
2	Km 07+300	2321277,194	599340,887	20°58'55.80"	106°42'26.31"	2321264,968	599349,578	2321289,420	599332,197	
3	Km 07+400	2321209,915	599267,028	20°58'53.63"	106°42'23.74"	2321199,480	599277,803	2321220,351	599256,253	
4	Km 07+500	2321133,927	599202,122	20°58'51.17"	106°42'21.48"	2321124,916	599214,114	2321142,938	599190,130	
5	Km 07+600	2321053,623	599142,530	20°58'48.57"	106°42'19.40"	2321044,686	599154,577	2321062,559	599130,483	
6	Km 07+700	2320973,309	599082,950	20°58'45.97"	106°42'17.32"	2320964,372	599094,997	2320982,246	599070,903	
7	Km 07+800	2320894,199	599021,800	20°58'43.41"	106°42'15.18"	2320884,890	599033,561	2320903,509	599010,038	
8	Km 07+900	2320815,788	598959,738	20°58'40.87"	106°42'13.02"	2320806,479	598971,500	2320825,097	598947,976	
9	Km 08+000	2320737,377	598897,676	20°58'38.34"	106°42'10.85"	2320728,067	598909,438	2320746,686	598885,915	
10	Km 08+100	2320662,245	598831,755	20°58'35.91"	106°42'08.56"	2320652,141	598842,842	2320672,348	598820,668	
11	Km 08+200	2320608,462	598749,460	20°58'34.17"	106°42'05.70"	2320593,931	598753,184	2320622,992	598745,737	
12	Km 08+300	2320592,979	598650,691	20°58'33.69"	106°42'02.27"	2320578,142	598652,895	2320607,816	598648,487	
13	Km 08+400	2320576,843	598552,028	20°58'33.18"	106°41'58.85"	2320562,218	598555,361	2320591,468	598548,696	
14	Km 08+500	2320548,390	598456,201	20°58'32.28"	106°41'55.53"	2320533,834	598459,822	2320562,947	598452,579	
15	Km 08+600	2320557,156	598358,434	20°58'32.58"	106°41'52.15"	2320543,477	598352,279	2320570,835	598364,589	